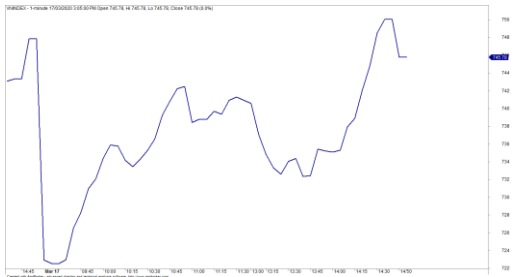


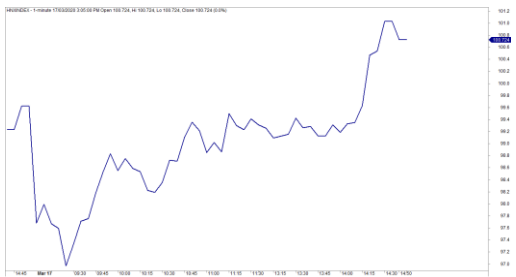
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	745.78	100.72	50.31
% ngày	-0.28%	1.10%	0.32%
% tuần	-10.95%	-5.16%	-5.80%
% tháng	-20.22%	-8.08%	-10.58%
% năm	-25.73%	-8.80%	-12.14%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,236	539	264
TB 1 tuần	5,035	710	346
TB 1 tháng	4,087	715	354
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	337.89	6.51	6.38
Bán	901.69	18.78	15.51
Giá trị ròng	-563.80	-12.27	-9.13
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	178	82	186
Mã Giảm	136	68	90
Không Đổi	78	223	627
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	10.53	8.49	13.11
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,566	190	735
LS Cổ tức	3.08%	6.19%	5.41%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index giảm về sát ngưỡng 720 điểm trong phiên sáng. Mặc dù vậy, lực cầu giá thấp quanh 720 điểm cũng là vùng đáy cũ giúp chỉ số hồi phục trở lại. Chỉ số chốt phiên chỉ còn giảm 0.28% đóng cửa tại 745.78 điểm. Chỉ số HNX-Index tăng 1.1% đóng cửa tại 100.72 điểm trong khi Upcom-Index cũng nổi góí tăng 0.33%. Giá trị giao dịch khỏp lệnh đạt hơn 3,650 tỷ đồng toàn thị trường.

Các mã bluechip có sự phân hoá nhất định nhưng tập trung ở số tăng là chủ yếu. Trong đó, nhóm Ngân hàng khởi sắc sau phiên giảm mạnh liền trước như BID(+3%), TCB(+2.9%), VPB(+2.6%) CTG(+2.4%), STB(+2.1%), MBB(+1.5%) và một số bluechip tăng rất mạnh như REE(+6.6%), SSI và PLX tăng hết biên độ. Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu họ Vingroup, SAB(-5.9%), HDB(-2.3%) gây giảm chỉ số nhiều nhất.

Mặc dù vậy, chúng tôi nhận thấy dòng tiền vẫn tập trung tại Mid-Cap và Small-Cap khi chỉ số VN-MID Index và VNSML Index tăng lần lượt 1.65% và 1.08% với các cái tên đáng chú ý như FLC(+4.2%), DLG(+6.5%), SCR(+6.5%), HQC(+6.6%), HAI(+6.9%), FIT(+6.9%)...

Khối ngoại tiếp tục một phiên bán ròng với giá trị 585 tỷ đồng toàn thị trường. MSN(102.6 tỷ), VNM(66.9 tỷ), HPG(51.9 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, không có mã nào được mua ròng trên 10 tỷ.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục trở lại về vùng 780 điểm của chỉ số VN-Index. Điểm tích cực chúng tôi đánh giá là áp lực bán tháo không xảy ra trong phiên 17/03/2020 và dòng tiền đầu cơ tỏ ra mạnh mẽ, mặc dù vậy rủi ro ngắn hạn vẫn còn cao. Đồng thời, tỷ trọng cổ phiếu tăng nhẹ và vẫn giao dịch dưới mức 20% cho thấy cơ hội cũng dần xuất hiện và khả năng xác lập đáy ngắn hạn quanh vùng giá này vẫn được đánh giá cao. Ngoài ra, lực cầu bắt đáy cũng tăng mạnh ở nhóm cổ phiếu ngân hàng khi hầu hết các cổ phiếu trong nhóm này đã giảm về vùng đáy đầu năm 2019.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 787.21 điểm của chỉ số VN-Index và 106.32 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục đứng ngoài thị trường và chỉ nên mua mới với tỷ trọng thấp. Đồng thời, các nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ với các vị thế đã tham gia bắt đáy trước đó.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 12% cổ phiếu/88% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.15	TĂNG	GIẢM	11.15	10.98	0.00%	MUA	12.35	11.21	-9.22%	BÁN
ACB	21.10	GIẢM	GIẢM		24.20			24.00	23.02	-4.07%	BÁN
ACV	53.90	GIẢM	GIẢM		59.18				65.25		
ANV	16.10	GIẢM	GIẢM		17.21				20.46		
ASM	5.13	GIẢM	GIẢM		5.59				6.48		
BFC	11.15	GIẢM	TĂNG		11.87			12.25	10.54	-8.98%	
BID	33.80	GIẢM	GIẢM		38.93				52.91		
BMP	36.50	GIẢM	GIẢM		38.96				45.49		
BSR	7.00	GIẢM	GIẢM		7.59				8.84		
BVH	39.00	GIẢM	GIẢM		44.52				62.61		
BWE	19.05	GIẢM	GIẢM		20.65				22.61		
CEO	7.00	GIẢM	GIẢM		7.55				9.26		
CII	19.80	GIẢM	GIẢM		22.39				24.91		
CMG	23.30	GIẢM	GIẢM		26.92				34.69		
CMX	10.90	GIẢM	TĂNG		12.76			13.50	9.24	-19.26%	
CSM	14.75	GIẢM	TĂNG		15.23			12.25	13.53	20.41%	
CTD	54.70	GIẢM	GIẢM		61.29			64.20	56.00	-12.77%	BÁN
CTG	21.00	GIẢM	GIẢM		23.94			23.55	24.15	2.55%	BÁN
CTR	31.90	GIẢM	GIẢM		38.72			49.70	40.69	-18.12%	BÁN
CVT	15.20	GIẢM	GIẢM		16.57				21.12		
DCM	5.60	TĂNG	GIẢM	5.60	5.60	0.00%	MUA	6.18	5.63	-8.85%	BÁN
DGC	22.50	GIẢM	GIẢM		23.54				26.66		
DGW	20.70	GIẢM	GIẢM		24.34			25.20	24.11	-4.34%	BÁN
DHA	28.10	GIẢM	GIẢM		32.23				32.52		
DHC	35.65	GIẢM	GIẢM		39.85			37.70	36.02	-4.45%	
DHG	78.00	GIẢM	GIẢM		91.82			99.50	88.63	-10.93%	BÁN
DIG	11.50	GIẢM	GIẢM		12.58			12.55	11.62	-7.40%	
DPG	25.85	GIẢM	GIẢM		27.35				32.83		
DPM	11.60	GIẢM	GIẢM		11.96				12.75		
DPR	35.20	GIẢM	GIẢM		37.74			41.30	36.21	-12.32%	BÁN
DQC	16.85	TĂNG	TĂNG	13.95	13.90	20.79%			15.72		
DRC	18.60	GIẢM	GIẢM		19.88				25.05		
DXG	11.10	GIẢM	GIẢM		12.08				13.70		
EIB	16.10	GIẢM	GIẢM		17.39			18.40	16.46	-10.54%	BÁN
FCN	7.00	GIẢM	GIẢM		7.91				10.51		



We Create Fortune

FMC	19.90	GIẢM	GIẢM		20.81				25.36		
FPT	48.50	GIẢM	GIẢM		51.89				56.69		
GAS	59.80	GIẢM	GIẢM		63.73				89.67		
GEX	14.30	GIẢM	GIẢM		14.50				19.54		
GIL	16.50	GIẢM	GIẢM		17.15			18.90	17.41	-7.89%	BÁN
GMD	16.40	GIẢM	GIẢM		17.16				21.10		
GTN	13.60	GIẢM	GIẢM		15.83				19.23		
GVR	11.20	GIẢM	GIẢM	11.80	11.87	0.55%	BÁN		12.77		
HAG	3.02	GIẢM	GIẢM		3.35				3.78		
HAX	10.60	GIẢM	GIẢM		11.88				14.64		
HBC	7.89	GIẢM	GIẢM		9.07				12.07		
HCM	14.05	GIẢM	GIẢM		15.32				20.42		
HDB	21.20	GIẢM	GIẢM		24.61			29.95	25.76	-13.99%	BÁN
HDC	15.60	GIẢM	GIẢM		16.68				23.28		
HDG	19.80	GIẢM	GIẢM		21.98				29.65		
HNG	12.75	GIẢM	GIẢM		13.41				14.51		
HPG	19.20	GIẢM	GIẢM		20.59				25.00		
HSG	6.19	GIẢM	GIẢM		6.53			7.75	7.52	-2.99%	BÁN
HT1	12.40	GIẢM	GIẢM		13.40			16.90	13.91	-17.69%	BÁN
HUT	1.80	GIẢM	GIẢM		2.03				2.43		
HVN	21.20	GIẢM	GIẢM		22.70				28.02		
KBC	12.00	GIẢM	GIẢM		13.39				15.94		
KDH	21.00	GIẢM	GIẢM		21.93				26.24		
KSB	15.20	GIẢM	GIẢM		17.80			19.65	17.18	-12.59%	BÁN
LCG	5.20	GIẢM	GIẢM		5.88				7.50		
LDG	6.20	TĂNG	GIẢM	6.66	5.97	-6.91%			7.48		
LHG	12.00	GIẢM	GIẢM		12.62				16.07		
LPB	7.00	GIẢM	TĂNG		8.14			7.40	6.90	-5.41%	
MBB	16.70	GIẢM	GIẢM		18.57				22.55		
MPC	18.80	GIẢM	TĂNG		20.47			24.10	17.84	-21.99%	
MSN	49.50	GIẢM	GIẢM		53.65				56.41		
MSR	16.60	TĂNG	TĂNG	15.00	13.81	10.67%			16.05		
MWG	77.30	GIẢM	GIẢM		85.36				115.75		
NDN	14.80	GIẢM	GIẢM		14.93				16.36		
NKG	6.10	GIẢM	GIẢM		6.77				9.51		
NLG	22.10	GIẢM	GIẢM		24.38				27.39		
NT2	16.95	GIẢM	GIẢM		18.78			20.55	18.73	-8.88%	BÁN
NTL	16.45	GIẢM	GIẢM		16.83				22.81		
NVL	51.50	GIẢM	GIẢM		54.63				57.76		



We Create Fortune

OIL	6.30	GIẢM	GIẢM		6.70			8.11		
PAC	20.00	GIẢM	GIẢM		22.24			25.22		
PC1	11.70	GIẢM	GIẢM		13.01			17.12		
PDR	25.50	GIẢM	TĂNG		26.21		29.00	25.19	-12.07%	
PHR	42.30	GIẢM	TĂNG		45.03		47.20	38.94	-10.38%	
PLX	39.35	GIẢM	GIẢM		40.31			55.37		
PNJ	57.00	GIẢM	GIẢM		64.81			88.64		
POW	8.85	GIẢM	GIẢM		9.37			11.22		
PVT	8.89	GIẢM	GIẢM		9.97			13.84		
PPC	23.40	GIẢM	GIẢM		24.23		28.40	24.97	-12.09%	BÁN
PTB	44.00	GIẢM	GIẢM		51.58			68.86		
PVB	10.60	GIẢM	GIẢM		11.88			17.58		
PVD	9.30	GIẢM	GIẢM		10.16			14.16		
PVI	28.50	TĂNG	GIẢM	30.80	27.49	-7.47%		33.18		
PVS	11.10	GIẢM	GIẢM		12.39			17.60		
PXS	3.50	GIẢM	GIẢM		4.41			5.74		
QNS	22.60	GIẢM	GIẢM		25.16			28.22		
REE	29.90	TĂNG	GIẢM	29.90	29.80	0.00%	MUA	34.93		
SAB	141.10	GIẢM	GIẢM		160.89			192.12		
SAM	9.40	GIẢM	TĂNG		9.93		7.40	8.90	27.03%	
SCR	4.10	GIẢM	GIẢM		4.30			5.86		
SHI	7.97	GIẢM	GIẢM		8.57		6.99	8.30	18.67%	BÁN
SJS	17.95	GIẢM	TĂNG		18.47		17.00	16.65	5.59%	
SKG	9.48	GIẢM	GIẢM		10.28			12.01		
SSI	14.20	GIẢM	GIẢM		14.67			18.47		
STB	10.20	GIẢM	GIẢM		11.14		10.20	10.85	6.35%	BÁN
TCB	17.95	GIẢM	GIẢM		19.56			23.81		
TCM	14.00	GIẢM	GIẢM		15.61			21.05		
TDH	7.25	GIẢM	GIẢM		8.06			10.57		
TLH	2.99	GIẢM	GIẢM		3.18			3.80		
TNG	13.20	GIẢM	GIẢM		13.66		15.50	13.32	-14.04%	
VCB	67.50	GIẢM	GIẢM		75.61			91.92		
VCG	24.80	GIẢM	GIẢM		25.80			26.09		
VCS	53.90	GIẢM	GIẢM		59.94			77.55		
VGC	16.30	GIẢM	GIẢM		17.19			18.80		
VGT	7.50	GIẢM	GIẢM		8.01		9.10	7.69	-15.44%	BÁN
VHC	24.25	GIẢM	GIẢM		27.02			37.71		
VHM	69.90	GIẢM	GIẢM		75.76			88.68		
VIB	15.00	GIẢM	GIẢM		17.06		17.70	16.76	-5.29%	BÁN



We Create Fortune

VIC	88.50	GIẢM	GIẢM		97.30			111.22		
VIP	4.33	GIẢM	GIẢM		4.65		5.54	4.93	-11.08%	BÁN
VJC	101.70	GIẢM	GIẢM		106.24			134.24		
VND	13.20	TĂNG	GIẢM	14.40	12.67	-8.33%		14.82		
VNG	13.90	GIẢM	GIẢM		14.23			18.07		
VNM	96.00	GIẢM	GIẢM		104.81			114.54		
VPB	21.50	GIẢM	GIẢM		24.34		21.90	24.70	12.77%	BÁN
VPI	40.55	GIẢM	GIẢM		41.91		41.30	40.58	-1.75%	
VRC	5.62	GIẢM	GIẢM		5.86			9.77		
VRE	22.10	GIẢM	GIẢM		25.73			32.30		
VSC	20.70	GIẢM	GIẢM		21.83			26.96		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	21.10	GIẢM	GIẢM		24.20			24.00	23.02	-4.07%	BÁN
BID	33.80	GIẢM	GIẢM		38.93				52.91		
BSR	7.00	GIẢM	GIẢM		7.59				8.84		
BVH	39.00	GIẢM	GIẢM		44.52				62.61		
CTG	21.00	GIẢM	GIẢM		23.94			23.55	24.15	2.55%	BÁN
FPT	48.50	GIẢM	GIẢM		51.89				56.69		
GAS	59.80	GIẢM	GIẢM		63.73				89.67		
GEX	14.30	GIẢM	GIẢM		14.50				19.54		
GVR	11.20	GIẢM	GIẢM	11.80	11.87	0.55%	BÁN		12.77		
HDB	21.20	GIẢM	GIẢM		24.61			29.95	25.76	-13.99%	BÁN
HNG	12.75	GIẢM	GIẢM		13.41				14.51		
HPG	19.20	GIẢM	GIẢM		20.59				25.00		
HVN	21.20	GIẢM	GIẢM		22.70				28.02		
KDH	21.00	GIẢM	GIẢM		21.93				26.24		
MBB	16.70	GIẢM	GIẢM		18.57				22.55		
MSN	49.50	GIẢM	GIẢM		53.65				56.41		
MWG	77.30	GIẢM	GIẢM		85.36				115.75		
NVL	51.50	GIẢM	GIẢM		54.63				57.76		
OIL	6.30	GIẢM	GIẢM		6.70				8.11		
PLX	39.35	GIẢM	GIẢM		40.31				55.37		
PNJ	57.00	GIẢM	GIẢM		64.81				88.64		
POW	8.85	GIẢM	GIẢM		9.37				11.22		

We Create Fortune

QNS	22.60	GIẢM	GIẢM		25.16				28.22		
REE	29.90	TĂNG	GIẢM	29.90	29.80	0.00%	MUA		34.93		
ROS	4.93	GIẢM	GIẢM		6.23				11.45		
SBT	15.10	GIẢM	GIẢM		16.88			17.50	20.07	14.66%	BÁN
SSI	14.20	GIẢM	GIẢM		14.67				18.47		
STB	10.20	GIẢM	GIẢM		11.14			10.20	10.85	6.35%	BÁN
TCB	17.95	GIẢM	GIẢM		19.56				23.81		
TPB	21.00	GIẢM	GIẢM		21.46				23.94		
VCB	67.50	GIẢM	GIẢM		75.61				91.92		
VCG	24.80	GIẢM	GIẢM		25.80				26.09		
VCS	53.90	GIẢM	GIẢM		59.94				77.55		
VEA	31.00	GIẢM	GIẢM		32.94				59.45		
VGI	22.10	GIẢM	GIẢM		24.76			28.30	24.29	-14.18%	BÁN
VHM	69.90	GIẢM	GIẢM		75.76				88.68		
VIB	15.00	GIẢM	GIẢM		17.06			15.00	16.76	11.73%	BÁN
VIC	88.50	GIẢM	GIẢM		97.30				111.22		
VJC	101.70	GIẢM	GIẢM		106.24				134.24		
VNM	96.00	GIẢM	GIẢM		104.81				114.54		
VPB	21.50	GIẢM	GIẢM		24.34			21.90	24.70	12.77%	BÁN
VRE	22.10	GIẢM	GIẢM		25.73				32.30		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ANV	16.10	GIẢM	GIẢM		17.21				20.46		
ASM	5.13	GIẢM	GIẢM		5.59				6.48		
BMI	18.00	GIẢM	GIẢM		19.78				25.11		
BMP	36.50	GIẢM	GIẢM		38.96				45.49		
BWE	19.05	GIẢM	GIẢM		20.65				22.61		
CEO	7.00	GIẢM	GIẢM		7.55				9.26		
CII	19.80	GIẢM	GIẢM		22.39				24.91		
CRE	16.75	GIẢM	GIẢM		19.71				23.60		
CTI	21.80	TĂNG	GIẢM	22.20	20.69	-1.80%			23.07		
CTR	31.90	GIẢM	GIẢM		38.72			43.70	40.69	-6.88%	BÁN
D2D	49.20	GIẢM	TĂNG		53.20			64.00	47.92	-23.13%	BÁN
DBD	45.80	GIẢM	GIẢM		48.74				54.53		
DCM	5.60	TĂNG	GIẢM	5.60	5.60	0.00%	MUA	6.18	5.63	-8.85%	BÁN



We Create Fortune

DGW	20.70	GIẢM	GIẢM		24.34			25.20	24.11	-4.34%	BÁN
DHC	35.65	GIẢM	GIẢM		39.85			37.70	36.02	-4.45%	
DIG	11.50	GIẢM	GIẢM		12.58			13.20	11.62	-11.96%	
DPG	25.85	GIẢM	GIẢM		27.35				32.83		
DPM	11.60	GIẢM	GIẢM		11.96				12.75		
DRC	18.60	GIẢM	GIẢM		19.88				25.05		
DXG	11.10	GIẢM	GIẢM		12.08				13.70		
E1VFN30	11.63	GIẢM	GIẢM		12.51				15.18		
FCN	7.00	GIẢM	GIẢM		7.91				10.51		
FLC	3.75	GIẢM	GIẢM		3.86				4.50		
GEG	20.45	GIẢM	GIẢM		22.28				24.79		
GMD	16.40	GIẢM	GIẢM		17.16				21.10		
GTN	13.60	GIẢM	GIẢM		15.83				19.23		
HAG	3.02	GIẢM	GIẢM		3.35				3.78		
HBC	7.89	GIẢM	GIẢM		9.07				12.07		
HCM	14.05	GIẢM	GIẢM		15.32				20.42		
HDC	15.60	GIẢM	GIẢM		16.68				23.28		
HDG	19.80	GIẢM	GIẢM		21.98				29.65		
HPX	27.50	GIẢM	#N/A		27.75			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	6.19	GIẢM	GIẢM		6.53			7.75	7.52	-2.99%	BÁN
HT1	12.40	GIẢM	GIẢM		13.40			16.90	13.91	-17.69%	BÁN
HTM	12.50	TĂNG	GIẢM	12.50	12.42	0.00%	MUA	20.00	15.34	-23.28%	BÁN
IBC	20.90	TĂNG	GIẢM	20.80	20.11	0.48%			21.22		
IDI	3.88	GIẢM	GIẢM		4.13				4.85		
IJC	10.00	GIẢM	GIẢM		11.00				15.20		
ITA	2.14	GIẢM	GIẢM		2.21				2.57		
KBC	12.00	GIẢM	GIẢM		13.39				15.94		
KDC	16.50	GIẢM	GIẢM		17.49				19.95		
KOS	27.60	GIẢM	TĂNG		28.51			26.30	26.55	4.94%	
KSB	15.20	GIẢM	GIẢM		17.80			19.10	17.18	-10.08%	BÁN
LDG	6.20	TĂNG	GIẢM	6.66	5.97	-6.91%			7.48		
LPB	7.00	GIẢM	TĂNG		8.14			7.40	6.90	-5.41%	
MBG	11.50	GIẢM	GIẢM		14.49				25.96		
MBS	9.20	GIẢM	GIẢM		9.97				12.76		
MPC	18.80	GIẢM	TĂNG		20.47			24.10	17.84	-21.99%	
NBB	19.85	TĂNG	GIẢM	20.05	17.99	-1.00%			21.34		
NKG	6.10	GIẢM	GIẢM		6.77				9.51		
NLG	22.10	GIẢM	GIẢM		24.38				27.39		



We Create Fortune

NT2	16.95	GIẢM	GIẢM		18.78			20.55	18.73	-8.88%	BÁN
NTL	16.45	GIẢM	GIẢM		16.83				22.81		
NVB	8.80	GIẢM	TĂNG		9.11			8.50	8.62	3.53%	
OGC	3.03	GIẢM	GIẢM		3.20				3.70		
PC1	11.70	GIẢM	GIẢM		13.01				17.12		
PDR	25.50	GIẢM	TĂNG		26.21			23.59	25.19	8.07%	
PHR	42.30	GIẢM	TĂNG		45.03			47.20	38.94	-10.38%	
PPC	23.40	GIẢM	GIẢM		24.23			28.40	24.97	-12.09%	BÁN
PTB	44.00	GIẢM	GIẢM		51.58				68.86		
PVD	9.30	GIẢM	GIẢM		10.16				14.16		
PVI	28.50	TĂNG	GIẢM	30.80	27.49	-7.47%			33.18		
PVS	11.10	GIẢM	GIẢM		12.39				17.60		
PVT	8.89	GIẢM	GIẢM		9.97				13.84		
QCG	9.54	TĂNG	TĂNG	4.00	8.21	138.50%		4.28	4.40	122.90%	
SCR	4.10	GIẢM	GIẢM		4.30				5.86		
SGP	5.20	GIẢM	GIẢM		5.67				7.68		
SHB	11.30	GIẢM	TĂNG		12.10			7.10	9.06	59.15%	
SHS	7.00	GIẢM	GIẢM		7.51			7.90	7.28	-7.83%	BÁN
SZC	14.90	GIẢM	TĂNG		15.98			17.85	14.73	-16.53%	BÁN
TCH	24.20	GIẢM	GIẢM		25.30				38.78		
TCM	14.00	GIẢM	GIẢM		15.61				21.05		
TDH	7.25	GIẢM	GIẢM		8.06				10.57		
TNG	13.20	GIẢM	GIẢM		13.66			15.50	13.32	-14.04%	
TTB	2.85	GIẢM	GIẢM		3.11				5.31		
VGC	16.30	GIẢM	GIẢM		17.19				18.80		
VGT	7.50	GIẢM	GIẢM		8.01			9.10	7.69	-15.44%	BÁN
VHC	24.25	GIẢM	GIẢM		27.02				37.71		
VND	13.20	TĂNG	GIẢM	14.40	12.67	-8.33%			14.82		
VNG	13.90	GIẢM	GIẢM		14.23				18.07		
VPI	40.55	GIẢM	GIẢM		41.91			41.30	40.58	-1.75%	
ANV	16.10	GIẢM	GIẢM		17.21				20.46		



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
re	4.90	GIẢM	GIẢM		5.41				7.88		
AGR	2.86	GIẢM	GIẢM		3.06				3.76		
AMD	4.86	TĂNG	TĂNG	2.35	4.16	106.81%		3.06	1.94	58.82%	
APG	8.74	GIẢM	GIẢM		9.63			9.90	9.37	-5.31%	BÁN
ART	3.10	TĂNG	TĂNG	3.10	2.92	0.00%	MUA	2.30	2.12	34.78%	
BCG	5.80	GIẢM	GIẢM		6.29				7.24		
C4G	4.70	GIẢM	GIẢM		4.85				6.94		
C69	5.00	GIẢM	GIẢM		5.98				10.52		
CCL	5.05	GIẢM	GIẢM		5.71				7.40		
CVT	15.20	GIẢM	GIẢM		16.57				21.12		
DAH	8.40	GIẢM	GIẢM		9.01				10.27		
DLG	1.81	GIẢM	GIẢM		1.89				2.21		
DRH	4.18	GIẢM	GIẢM		5.34			4.70	4.74	0.88%	
DTD	10.30	GIẢM	TĂNG		11.09			12.40	10.14	-16.94%	BÁN
EVG	2.40	GIẢM	GIẢM		2.53				2.73		
FIT	7.00	TĂNG	GIẢM	7.00	6.65	0.00%	MUA		9.11		
FTM	1.61	GIẢM	GIẢM		1.76				2.92		
FUES SV50	10.50	GIẢM	GIẢM		11.15				12.88		
GKM	15.40	TĂNG	TĂNG	15.00	15.27	2.67%		14.90	14.87	3.36%	
HAH	9.10	GIẢM	GIẢM		9.94				11.79		
HAI	4.57	TĂNG	TĂNG	3.04	3.69	50.33%		3.34	2.09	36.83%	
HAR	2.87	GIẢM	GIẢM		3.06				4.02		
HDA	6.90	GIẢM	GIẢM		7.43				9.03		
HHP	13.10	TĂNG	TĂNG	13.80	12.49	-5.07%		13.20	11.66	-0.76%	
HHS	3.91	GIẢM	GIẢM		4.33			3.36	4.15	23.53%	BÁN
HID	2.79	GIẢM	TĂNG	3.06	2.86	-6.54%	BÁN	2.63	2.30	6.08%	
HII	13.25	GIẢM	TĂNG		13.58			11.00	11.88	20.45%	
HQC	1.29	TĂNG	TĂNG	1.15	1.07	12.17%		1.15	0.89	12.17%	
HSL	4.50	GIẢM	GIẢM		5.14				7.15		
HUT	1.80	GIẢM	GIẢM		2.03				2.43		
HVG	5.90	GIẢM	GIẢM		6.73				8.43		
HVH	8.90	GIẢM	GIẢM		10.27				13.59		
IDJ	15.00	GIẢM	TĂNG		16.43			7.20	12.83	108.33%	BÁN
JVC	3.14	GIẢM	GIẢM		3.33				3.79		



We Create Fortune

KLF	1.90	TĂNG	TĂNG	1.60	1.48	18.75%		1.50	1.33	26.67%	
LCG	5.20	GIẢM	GIẢM		5.88				7.50		
LGL	4.66	GIẢM	GIẢM		5.74				7.04		
LHG	12.00	GIẢM	GIẢM		12.62				16.07		
LMH	1.49	GIẢM	GIẢM		1.76				3.88		
MST	4.80	GIẢM	GIẢM		5.81			3.40	5.47	60.93%	BÁN
NDN	14.80	GIẢM	GIẢM		14.93				16.36		
PHC	9.96	GIẢM	GIẢM		10.51				11.50		
PLP	8.72	TĂNG	GIẢM	10.05	8.65	-13.23%			10.52		
PVB	10.60	GIẢM	GIẢM		11.88				17.58		
PVC	5.00	GIẢM	GIẢM		5.66				6.78		
PVX	0.80	GIẢM	GIẢM		1.07				1.29		
PXL	8.10	TĂNG	TĂNG	8.10	8.08	0.00%	MUA	6.70	6.88	20.90%	
SHI	7.97	GIẢM	GIẢM		8.57			5.77	8.30	43.88%	BÁN
SJF	1.41	GIẢM	GIẢM		1.46				2.05		
SPP	1.30	GIẢM	GIẢM		1.48				2.01		
TDC	7.10	GIẢM	GIẢM		7.81				8.84		
TIG	5.30	GIẢM	GIẢM		6.70			3.20	5.94	85.76%	
TLH	2.99	GIẢM	GIẢM		3.18				3.80		
TNA	15.20	GIẢM	GIẢM		17.42				21.92		
TNI	9.68	GIẢM	GIẢM		10.19			10.90	9.99	-8.38%	BÁN
TSC	2.31	TĂNG	GIẢM	2.31	2.24	0.00%	MUA		2.89		
TTF	2.54	GIẢM	TĂNG		2.71			2.85	2.40	-10.88%	
TTH	2.20	GIẢM	GIẢM		2.42				2.88		
TVC	28.80	GIẢM	TĂNG		30.17			14.30	26.65	101.40%	
VC3	15.30	GIẢM	GIẢM		15.82				17.32		
VCR	9.90	GIẢM	TĂNG		10.56			12.90	7.61	-23.26%	
VNA	2.40	GIẢM	GIẢM		2.56				3.80		
VNE	3.46	GIẢM	TĂNG		3.77			3.85	3.41	-10.13%	
VRC	5.62	GIẢM	GIẢM		5.86				9.77		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	745.78	-0.28%	HNI	100.72	1.10%	UPCoM	50.31	0.32%
VN30	699.73	0.22%	HN30	182.86	1.47%			
VN Mid	756.13	1.65%	VNX	675.96	-0.01%			
VN Small	657.47	1.08%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	337.89		Mua	6.51		Mua	6.38	
Bán	901.69		Bán	18.78		Bán	15.51	
GT ròng	-563.8		GT ròng	-12.27		GT ròng	-9.13	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
D2D	3200	6.96%	L14	4400	9.84%	MSR	2100	14.48%
QCG	620	6.95%	SHS	500	7.69%	ACV	3400	6.73%
PLX	2550	6.93%	NDN	1000	7.25%	PXL	500	6.58%
TV2	3800	6.91%	BVS	300	3.53%	DVN	200	2.06%
FIT	450	6.87%	PVS	300	2.78%	DDV	100	1.75%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VRE	-1600	-6.75%	MBG	-200	-1.71%	VEF	-5600	-8.71%
SAB	-8900	-5.93%	DGC	-300	-1.32%	QNS	-1100	-4.64%
DHG	-4000	-4.88%	VCG	-100	-0.40%	NTC	-4300	-3.01%
VIC	-4000	-4.32%	CEO	0	0.00%	CTR	-400	-1.24%
DHC	-1450	-3.91%	OCH	0	0.00%	VIB	-100	-0.66%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	312,875		ACB	34,621		ACV	109,956	
VCB	248,866		SHB	19,309		MCH	40,979	
VHM	236,187		VCG	10,999		VEA	40,964	
VNM	168,914		VCS	8,560		BSR	21,282	
BID	131,922		PVI	6,864		BCM	20,870	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ITA	20,389,520	3,815,425	SHB	12,201,562	23,174,271	DDV	12,902,100	2,610
FLC	13,983,870	10,576,927	ACB	6,773,272	6,825,455	LPB	1,784,834	3,181,635
TCB	13,648,160	3,459,130	NVB	3,665,800	2,647,635	VIB	1,374,414	1,928,032
DLG	11,972,080	7,606,387	KLF	3,077,218	2,133,320	BSR	1,249,700	2,408,981
EIB	10,716,710	226,450	PVS	2,952,872	3,168,494	MSR	709,783	50,690

Nguồn: Bloomberg & YSVN

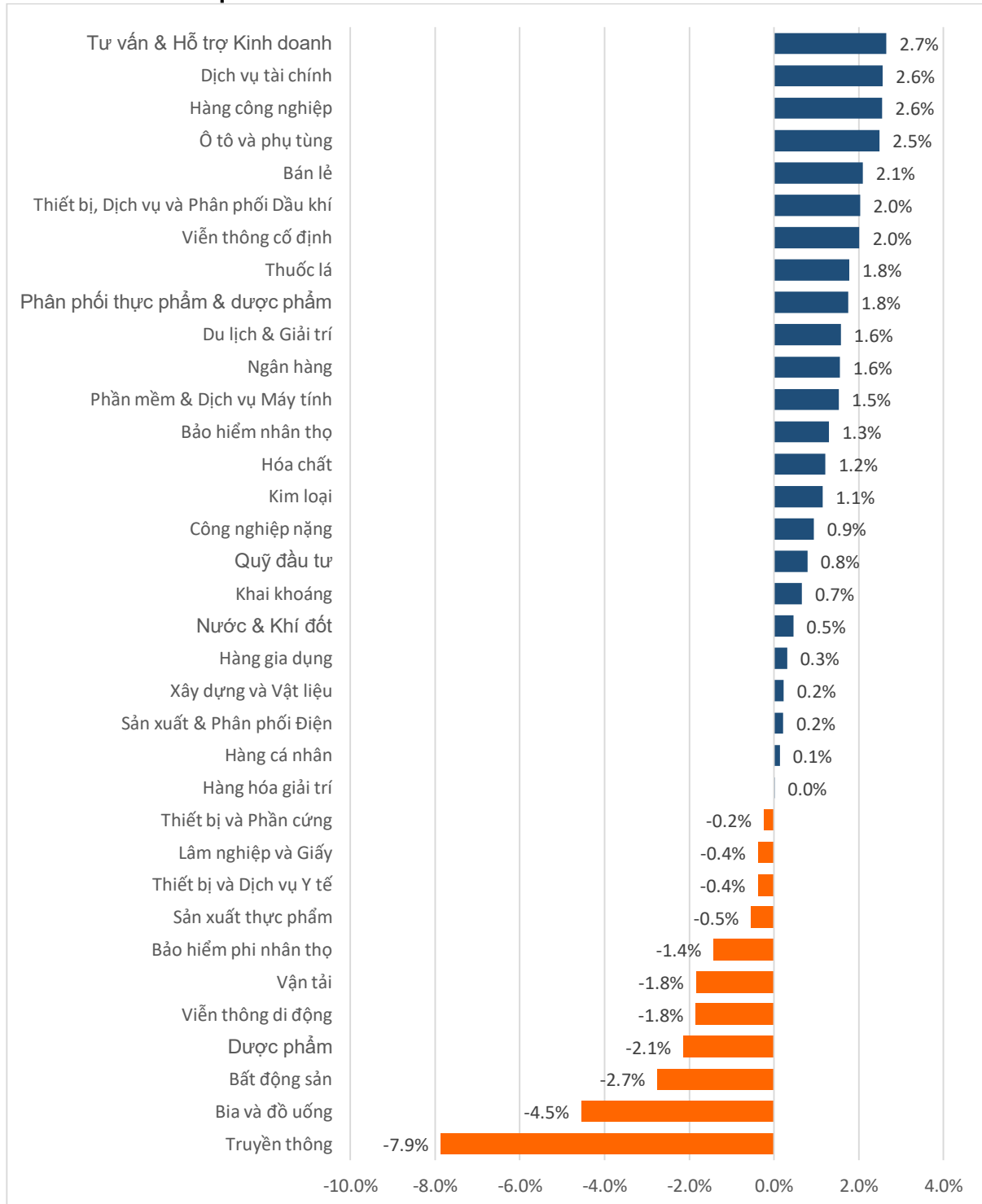
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



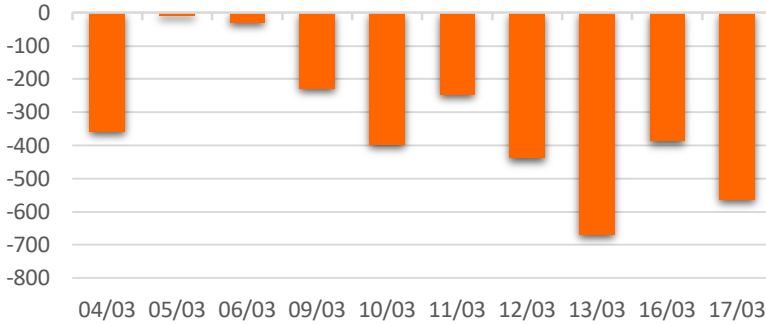
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

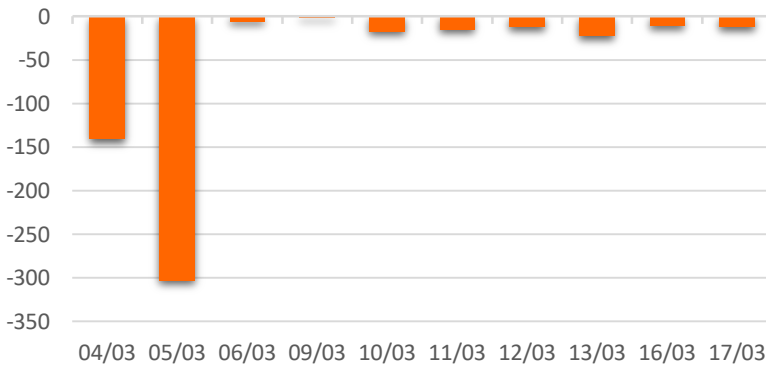
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCB	8,048	MSN	102,630
FPT	5,717	VNM	66,965
PHR	1,136	HPG	51,927
ITA	927	E1VFN30	48,264
TDM	806	VHM	45,268

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

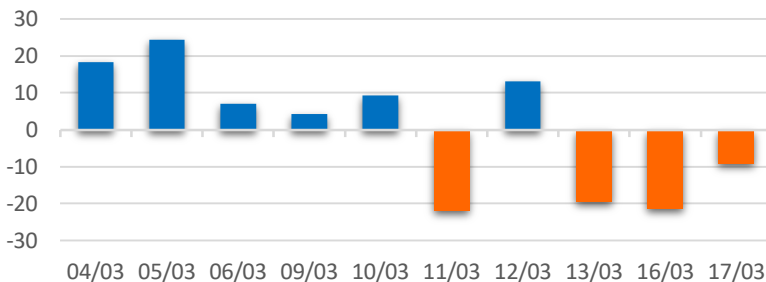
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BVS	351	PVS	7,288
LAS	228	SHS	2,680
WCS	197	TIG	1,094
VCS	111	S55	977
EID	92	CSC	288

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
KDF	245	QNS	4,944
CTR	48	VEA	3,308
HDM	31	ACV	2,691
MCH	23	MSR	533
TTD	22	SDK	85

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



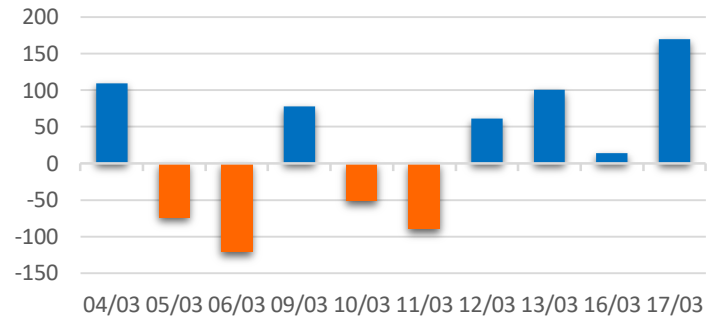
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

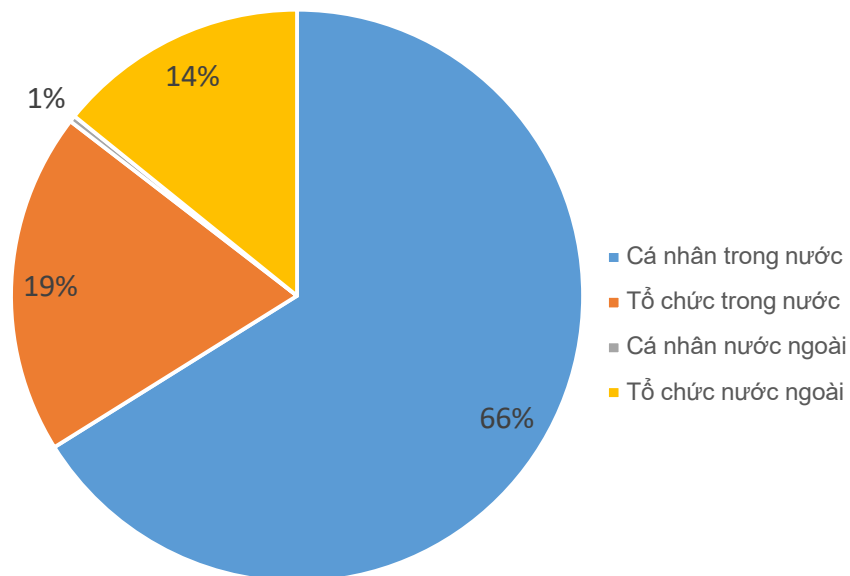
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MSN	140,808	MBB	69,208
E1VFN30	68,855	E1VFN30	20,921
FPT	17,681	FPT	19,878
CTG	16,299	VPB	10,027
VPB	11,973	TCB	6,445

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

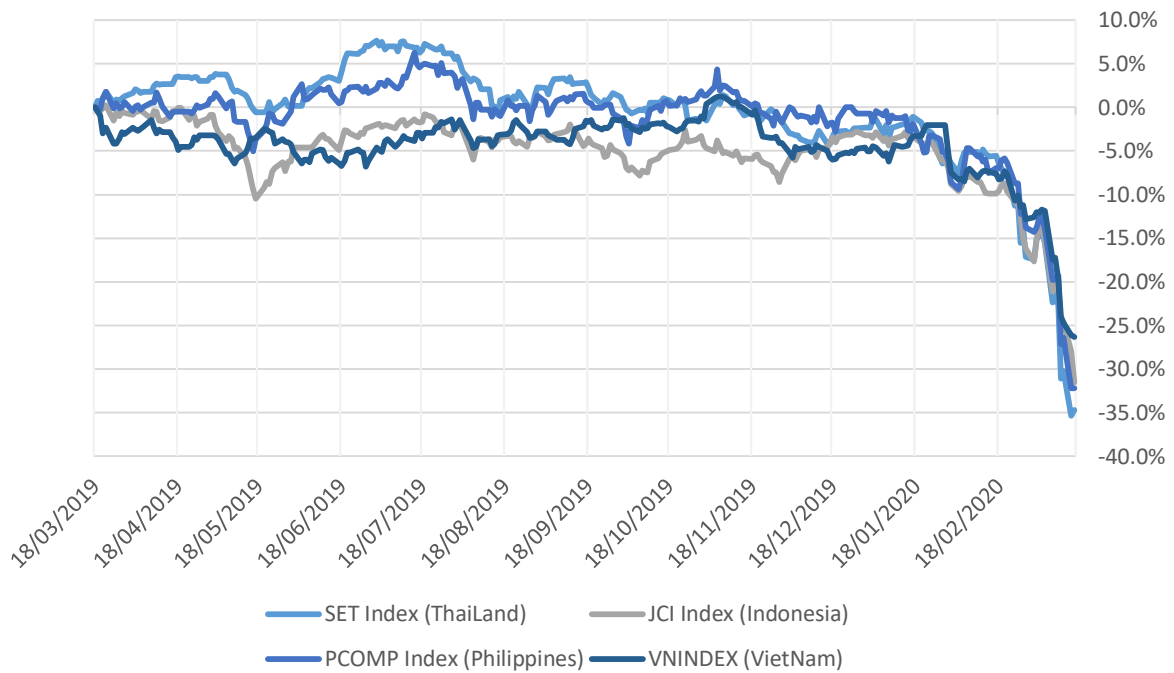


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

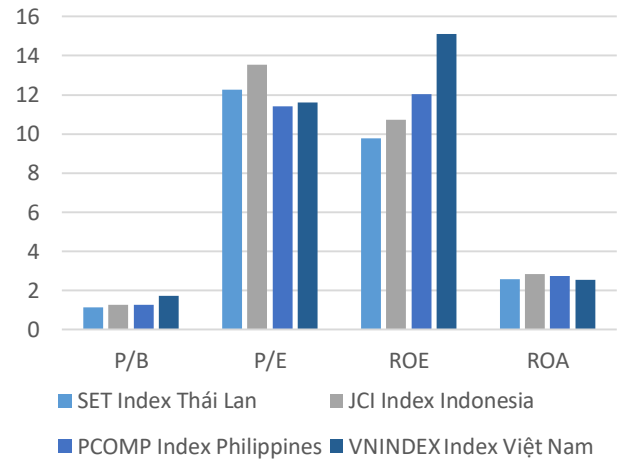
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.1x	1.3x	1.2x	1.7x
P/E		12.3x	13.5x	11.4x	11.6x
ROE	%	9.76	10.73	12.04	15.12
ROA	%	2.58	2.84	2.74	2.52
Vốn hóa	Tỷ USD	347.67	359.68	130.19	110.21
GTGD	Triệu USD	1.96	0.31	0.11	0.13
LS cổ tức	%	4.81	3.57	2.35	2.51

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Lý Thị Hiền**

**Trưởng phòng NC-PT**

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Mạnh Hoạt**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Đinh Thị Thu Cúc**

**Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu**

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create Fortune

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written